



THÔNG BÁO

BIỂU PHÍ DỊCH VỤ NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN

Mức phí áp dụng đối với Khách hàng tham gia sử dụng Dịch vụ kể từ ngày **01/03/2017** như sau:

V. BIỂU PHÍ DỊCH VỤ NGÂN QUỸ

| STT | KHOẢN MỤC | MỨC PHÍ ÁP DỤNG | | GHI CHÚ |
|---------|---|--|--|---------|
| | | CÁ NHÂN | TỔ CHỨC | |
| 5.1 | Dịch vụ quản lý ngân quỹ tiền mặt | | | |
| 5.1.1 | Dịch vụ kiểm đếm, thu đổi | | | |
| 5.1.1.1 | Dịch vụ kiểm đếm hộ loại tiền VND | | | |
| - | Loại tờ từ 50.000 đồng trở lên | 0,03%/Số tiền kiểm đếm; tối thiểu 100.000 đồng | 0,03%/Số tiền kiểm đếm; tối thiểu 100.000 đồng | |
| - | Loại tờ từ 20.000 đồng trở xuống | 0,07%/Số tiền kiểm đếm; tối thiểu 100.000 đồng | 0,07%/Số tiền kiểm đếm; tối thiểu 100.000 đồng | |
| 5.1.1.2 | Dịch vụ thu đổi khác mệnh giá loại tiền VND | | | |
| - | Mệnh giá lớn lấy mệnh giá nhỏ | 0 đồng | 0 đồng | |
| - | Mệnh giá nhỏ lấy mệnh giá lớn | | | |
| | + Loại mệnh giá 50.000 đồng, 100.000 đồng lấy mệnh giá lớn hơn | 0,03%/Số tiền đổi; tối thiểu 10.000 đồng | 0,03%/Số tiền đổi; tối thiểu 10.000 đồng | |
| | + Loại mệnh giá 20.000 đồng, 10.000 đồng lấy mệnh giá lớn hơn | 0,05%/Số tiền đổi; tối thiểu 10.000 đồng | 0,05%/Số tiền đổi; tối thiểu 10.000 đồng | |
| | + Loại mệnh giá 5.000 đồng, 2.000 đồng, 1.000 đồng lấy mệnh giá lớn hơn | 0,07%/Số tiền đổi; tối thiểu 10.000 đồng | 0,07%/Số tiền đổi; tối thiểu 10.000 đồng | |
| | + Loại mệnh giá 500 đồng, 200 đồng lấy mệnh giá lớn hơn | 1,00%/Số tiền đổi; tối thiểu 10.000 đồng | 1,00%/Số tiền đổi; tối thiểu 10.000 đồng | |
| - | Đổi tiền mặt không đủ tiêu chuẩn lưu thông | 0 đồng | 0 đồng | |
| 5.1.1.3 | Dịch vụ thu đổi khác mệnh giá loại tiền ngoại tệ | | | |
| - | Lấy tiền VND | 0 đồng | 0 đồng | |
| - | Lấy ngoại tệ cùng loại, mệnh giá nhỏ hơn | 0 đồng | 0 đồng | |
| - | Lấy ngoại tệ cùng loại, mệnh giá lớn hơn | 2,00%/Số tiền đổi; tối thiểu 2 USD | 2,00%/Số tiền đổi; tối thiểu 2 USD | |



| | | | | |
|----------------|---|---|--|--|
| - | Đổi tiền mặt ngoại tệ không đủ tiêu chuẩn lưu thông | 1,00%/Tổng số tiền đổi; tối thiểu 1 USD | 1,00%/Tổng số tiền đổi; tối thiểu 1 USD | |
| 5.1.1.4 | Dịch vụ thu đổi khác mệnh giá loại vàng miếng | | | |
| - | Đổi vàng miếng SJC | | | |
| | + Lấy VND | 0 đồng | 0 đồng | |
| | + Loại 10 lượng, 01 lượng lấy mệnh giá nhỏ hơn | 30.000 đồng/lượng | 30.000 đồng/lượng | |
| | + Lấy vàng miếng SJC mệnh giá lớn hơn | 0 đồng | 0 đồng | |
| - | Đổi vàng miếng SJC không đủ tiêu chuẩn lưu thông | | | |
| | + Vàng miếng SJC bị rách bao loại 10 lượng | 120.000 đồng/miếng | 120.000 đồng/miếng | |
| | + Vàng miếng SJC bị rách bao loại 01 lượng và 05 chỉ | 36.000 đồng/miếng | 36.000 đồng/miếng | |
| | + Vàng miếng SJC bị rách bao loại 02 chỉ, 01 chỉ và 0,5 chỉ | 12.000 đồng/miếng | 12.000 đồng/miếng | |
| 5.1.2 | Dịch vụ thu, chi hộ | | | |
| 5.1.2.1 | Giao dịch thu hộ (thu hộ tận nơi tại địa điểm theo yêu cầu Khách hàng) | Thỏa thuận | Thỏa thuận | |
| 5.1.2.2 | Giao dịch chi hộ tận nơi bằng tiền mặt | Thỏa thuận | Thỏa thuận | |
| 2 | Dịch vụ giữ hộ tài sản | | | |
| - | Vàng miếng SJC | 500 đồng/chỉ/tháng; tối thiểu 20.000 đồng | | |
| - | Tiền mặt (nhận tổng số không kiểm đếm tờ). | 0,15%/tháng/ Giá trị quy đổi VND; tối thiểu 100.000 đồng | 0,15%/tháng/Giá trị quy đổi VND; tối thiểu 100.000 đồng | |
| - | GTCG vô danh (công trái, trái phiếu, tín phiếu). | 0,15%/tháng/ Mệnh giá quy đổi VND; tối thiểu 100.000 đồng | 0,15%/tháng/Mệnh giá quy đổi VND; tối thiểu 100.000 đồng | |

Ghi chú:

- Biểu phí trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (10%). Các khoản phí đã bao gồm thuế hoặc không thuộc đối tượng chịu thuế được ghi chú trong Biểu phí.
- Phí thu bằng ngoại tệ của các nghiệp vụ phát sinh, Khách hàng có thể thanh toán bằng VND theo tỷ giá bán do SCB niêm yết tại thời điểm thu phí.
- Khách hàng có thể thanh toán phí phát sinh bằng tiền mặt (VND) hoặc bằng chuyển khoản (VND, ngoại tệ). SCB được tự động trích tiền từ bất cứ tài khoản nào của Khách hàng để thực hiện thu phí đối với các sản phẩm quy định thu phí tự động.



- Biểu phí TTQT nêu ở phần III là biểu phí được sử dụng trong trường hợp Khách hàng chỉ sử dụng dịch vụ TTQT thuần. Trường hợp Khách hàng sử dụng dịch vụ trọn gói thanh toán nhập khẩu/chuyển tiền đi thì áp dụng mức phí theo thỏa thuận.
- Khi thực hiện các giao dịch thu phí quy định tại biểu phí này, các chi phí phát sinh như bưu phí, điện phí và các chi phí khác do ngân hàng khác thu hoặc theo yêu cầu của Khách hàng sẽ được thu theo thực tế phát sinh (loại trừ phí dịch vụ nhận số phụ qua thư bưu điện cho Khách hàng tổ chức).
- Phí dịch vụ và các khoản phí khác mà SCB đã thu sẽ không được hoàn trả lại nếu Khách hàng có yêu cầu hủy bỏ dịch vụ sau khi SCB đã thực hiện.
- Những dịch vụ khác không được liệt kê ở biểu phí này sẽ được SCB thông báo cho Khách hàng khi có nghiệp vụ phát sinh.
- Đối với giao dịch ngoài giờ tại Phòng Giao dịch An Đông Plaza: Áp dụng thu phí 150% theo biểu phí này đối với những Khách hàng giao dịch ngoài giờ (bao gồm cả những Khách hàng, sản phẩm được Tổng Giám đốc duyệt thuận chủ trương miễn, giảm phí giao dịch trong giờ).
- Biểu phí này có thể được thay đổi, chỉnh sửa theo chính sách của SCB trong từng thời kỳ.